HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 30/2016/NQ-HĐND	*Thanh Hóa, ngày 08 tháng 12 năm 2016*

NGHỊ QUYẾT
Về việc thông qua danh mục các dự án phải thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Thanh Hoá năm 2017

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA KHOÁ XVII, KỲ HỌP THỨ 2

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai

Căn cứ Thông tư số 29/2014/TT-BTNMT ngày 02 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

Xét Tờ trình số 165/TTr-UBND ngày 25 tháng 11 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc thông qua danh mục dự án phải thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Thanh Hoá năm 2017; Báo cáo thẩm tra số 810/BC-HĐND ngày 02 tháng 12 năm 2016 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua danh mục các dự án phải thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa năm 2017, với những nội dung chủ yếu như sau:

Chấp thuận việc thực hiện 1.535 công trình, dự án để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa năm 2017 mà phải thu hồi đất, diện tích 1.390,14 ha; được lấy từ các loại đất:

- Đất lúa (LUA): 861,53 ha.
- Đất cây hàng năm khác (HNK): 213,13 ha.
- Đất cây lâu năm (CLN): 29,18 ha.
- Đất rừng sản xuất (RSX): 78,85 ha.
- Đất rừng phòng hộ (RPH): 15,76 ha.
- Đất nuôi trồng thủy sản (NTS): 51,66 ha.

- Đất ở đô thị (ODT): 13,53 ha.

- Đất ở nông thôn (ONT): 22,49 ha.

- Đất khác (Bao gồm các loại đất còn lại trong nhóm đất PNN): 87,48 ha.

- Đất chưa sử dụng (CSD): 16,53 ha.

(Có phụ lục số 01 kèm theo)

Cụ thể thu hồi đất để thực hiện các công trình, dự án như sau:

1. Thu hồi 261,89 ha đất để thực hiện 100 công trình, dự án khu dân cư, xen cư đô thị; được lấy từ các loại đất:

- Đất lúa (LUA): 188,49 ha.

- Đất cây hàng năm khác (HNK): 13,32 ha.

- Đất cây lâu năm (CLN): 4,59 ha.

- Đất rừng sản xuất (RSX): 6,01 ha;

- Đất nuôi trồng thủy sản (NTS): 6,17 ha.

- Đất ở đô thị (ODT): 7,12 ha.

- Đất ở nông thôn (ONT): 4,20 ha.

- Đất khác (Bao gồm các loại đất còn lại trong nhóm đất PNN): 30,49 ha.

- Đất chưa sử dụng (CSD): 1,49 ha.

2. Thu hồi 577,70 ha đất để thực hiện 680 công trình, dự án khu dân cư, xen cư nông thôn; được lấy từ các loại đất:

- Đất lúa (LUA): 379,72 ha.

- Đất cây hàng năm khác (HNK): 114,62 ha.

- Đất cây lâu năm (CLN): 6,94 ha.

- Đất rừng sản xuất (RSX): 7,68 ha.

- Đất nuôi trồng thủy sản (NTS): 29,05 ha.

- Đất ở nông thôn (ONT): 6,54 ha.

- Đất khác (Bao gồm các loại đất còn lại trong nhóm đất PNN): 24,67 ha.

- Đất chưa sử dụng (CSD): 8,49 ha.

3. Thu hồi 25,60 ha đất để thực hiện 52 công trình, dự án trụ sở cơ quan nhà nước; được lấy từ các loại đất:

- Đất lúa (LUA): 14,32 ha.

- Đất cây hàng năm khác (HNK): 4,05 ha.

- Đất cây lâu năm (CLN): 0,30 ha.

- Đất rừng sản xuất (RSX): 1,95 ha.

- Đất nuôi trồng thủy sản (NTS): 0,72 ha.

- Đất ở đô thị (ODT): 0,35 ha.

- Đất ở nông thôn (ONT): 0,41 ha.

- Đất khác (Bao gồm các loại đất còn lại trong nhóm đất PNN): 3,47 ha,

- Đất chưa sử dụng (CSD): 0,03 ha.

4. Thu hồi 1,73 ha đất để thực hiện 7 công trình, dự án trụ sở cơ quan của tổ chức sự nghiệp; được lấy từ các loại đất:

- Đất lúa (LUA): 1,37 ha.

- Đất cây hàng năm khác (HNK): 0,10 ha.

- Đất rừng sản xuất (RSX): 0,16 ha.

- Đất ở đô thị (ODT): 0,10 ha.

5. Thu hồi 18,80 ha đất để thực hiện 6 công trình, dự án cụm công nghiệp; Được lấy từ các loại đất:

- Đất lúa (LUA): 16,80 ha.

- Đất rừng phòng hộ (RPH): 1,77 ha.

- Đất nuôi trồng thủy sản (NTS): 0,18 ha.

- Đất chưa sử dụng (CSD): 0,05 ha.

6. Thu hồi 210,58 ha đất để thực hiện 140 công trình, dự án giao thông; được lấy từ các loại đất:

- Đất lúa (LUA): 113,27 ha.

- Đất cây hàng năm khác (HNK): 22,50 ha.

- Đất cây lâu năm (CLN): 9,88 ha.

- Đất rừng sản xuất (RSX): 27,19 ha.

- Đất rừng phòng hộ (RPH): 0,66 ha;

- Đất nuôi trồng thủy sản (NTS): 2,81 ha.

- Đất ở đô thị (ODT): 4,85 ha.

- Đất ở nông thôn (ONT): 7,70 ha.

- Đất khác (Bao gồm các loại đất còn lại trong nhóm đất PNN): 19,81 ha.

- Đất chưa sử dụng (CSD): 1,91 ha.

7. Thu hồi 44,20 ha đất để thực hiện 69 công trình, dự án thủy lợi; được lấy từ các loại đất:

- Đất lúa (LUA): 24,15 ha.

- Đất cây hàng năm khác (HNK): 8,77 ha.

- Đất cây lâu năm (CLN): 0,55 ha.

- Đất rừng sản xuất (RSX): 1,50 ha.

- Đất nuôi trồng thủy sản (NTS): 5,71 ha.

- Đất ở đô thị (ODT): 0,17 ha.

- Đất ở nông thôn (ONT): 0,76 ha.

- Đất khác (Bao gồm các loại đất còn lại trong nhóm đất PNN): 0,73 ha.

- Đất chưa sử dụng (CSD): 1,86 ha.

8. Thu hồi 25,28 ha đất để thực hiện 19 công trình, dự án năng lượng; được lấy từ các loại đất:

- Đất lúa (LUA): 21,90 ha.

- Đất cây hàng năm khác (HNK): 1,26 ha.

- Đất rừng sản xuất (RSX): 1,94 ha.

- Đất ở nông thôn (ONT): 0,13 ha.

- Đất khác (Bao gồm các loại đất còn lại trong nhóm đất PNN): 0,03 ha.

- Đất chưa sử dụng (CSD): 0,02 ha.

9. Thu hồi 26,33 ha đất để thực hiện 33 công trình, dự án cơ sở văn hóa; được lấy từ các loại đất:

- Đất lúa (LUA): 14,72 ha.

- Đất cây hàng năm khác (HNK): 5,45 ha.

- Đất cây lâu năm (CLN): 0,46 ha.

- Đất rừng sản xuất (RSX): 1,82 ha.

- Đất nuôi trồng thủy sản (NTS): 0,63 ha.

- Đất ở đô thị (ODT): 0,51 ha.

- Đất ở nông thôn (ONT): 0,32 ha.

- Đất khác (Bao gồm các loại đất còn lại trong nhóm đất PNN): 1,44 ha.

- Đất chưa sử dụng (CSD): 0,98 ha.

10. Thu hồi 55,33 ha đất để thực hiện 64 công trình, dự án thể dục, thể thao; được lấy từ các loại đất:

- Đất lúa (LUA): 31,70 ha;

- Đất cây hàng năm khác (HNK): 11,92 ha;

- Đất cây lâu năm (CLN): 1,65 ha;

- Đất rừng sản xuất (RSX): 8,00 ha;

- Đất nuôi trồng thủy sản (NTS): 0,66 ha;

- Đất ở nông thôn (ONT): 0,42 ha;

- Đất khác (Bao gồm các loại đất còn lại trong nhóm đất PNN): 0,90 ha;

- Đất chưa sử dụng (CSD): 0,08 ha.

11. Thu hồi 8,31 ha đất để thực hiện 15 công trình, dự án cơ sở y tế; được lấy từ các loại đất:

- Đất lúa (LUA): 4,06 ha.

- Đất cây hàng năm khác (HNK): 0,69 ha.

- Đất cây lâu năm (CLN): 0,02 ha.

- Đất nuôi trồng thủy sản (NTS): 2,71 ha.

- Đất ở đô thị (ODT): 0,06 ha.

- Đất ở nông thôn (ONT): 0,10 ha.

- Đất khác (Bao gồm các loại đất còn lại trong nhóm đất PNN): 0,63 ha.

- Đất chưa sử dụng (CSD): 0,04 ha.

12. Thu hồi 21,98 ha đất để thực hiện 69 công trình, dự án cơ sở giáo dục - đào tạo; được lấy từ các loại đất:

- Đất lúa (LUA): 10,81 ha.

- Đất cây hàng năm khác (HNK): 4,16 ha.

- Đất cây lâu năm (CLN): 1,41 ha.

- Đất rừng sản xuất (RSX): 2,48 ha.

- Đất nuôi trồng thủy sản (NTS): 0,56 ha.

- Đất ở đô thị (ODT): 0,05 ha.

- Đất ở nông thôn (ONT): 0,55 ha.

- Đất khác (Bao gồm các loại đất còn lại trong nhóm đất PNN): 1,41 ha.

- Đất chưa sử dụng (CSD): 0,55 ha.

13. Thu hồi 10,85 ha đất để thực hiện 21 công trình, dự án chợ; được lấy từ các loại đất:

- Đất lúa (LUA): 8,30 ha.

- Đất cây hàng năm khác (HNK): 0,67 ha.

- Đất cây lâu năm (CLN): 0,30 ha.

- Đất nuôi trồng thủy sản (NTS): 0,36 ha.

- Đất khác (Bao gồm các loại đất còn lại trong nhóm đất PNN): 1,14 ha.

- Đất chưa sử dụng (CSD): 0,08 ha.

14. Thu hồi 15,23 ha đất để thực hiện 18 công trình, dự án thu gom, xử lý chất thải; được lấy từ các loại đất:

- Đất lúa (LUA): 2,37 ha.

- Đất cây hàng năm khác (HNK): 3,24 ha.

- Đất cây lâu năm (CLN): 1,00 ha.

- Đất rừng sản xuất (RSX): 7,90 ha.

- Đất nuôi trồng thủy sản (NTS): 0,30 ha.

- Đất chưa sử dụng (CSD): 0,42 ha.

15. Thu hồi 5,93 đất để thực hiện 6 công trình, dự án cơ sở tôn giáo; được lấy từ các loại đất:

- Đất lúa (LUA): 0,94 ha.
- Đất cây hàng năm khác (HNK): 1,96 ha.
- Đất rừng sản xuất (RSX): 3,00 ha.
- Đất ở nông thôn (ONT): 0,03 ha.

16. Thu hồi 26,08 ha đất để thực hiện 158 công trình, dự án sinh hoạt cộng đồng; được lấy từ các loại đất:

- Đất lúa (LUA): 13,53 ha.
- Đất cây hàng năm khác (HNK): 6,39 ha.
- Đất cây lâu năm (CLN): 0,73 ha.
- Đất rừng sản xuất (RSX): 1,49 ha;
- Đất nuôi trồng thủy sản (NTS): 1,75 ha.
- Đất ở nông thôn (ONT): 0,13 ha.
- Đất khác (Bao gồm các loại đất còn lại trong nhóm đất PNN): 1,78 ha.
- Đất chưa sử dụng (CSD): 0,28 ha.

17. Thu hồi 22,03 ha đất để thực hiện 56 công trình, dự án nghĩa trang, nghĩa địa; được lấy từ các loại đất:

- Đất lúa (LUA): 9,90 ha.
- Đất cây hàng năm khác (HNK): 7,13 ha.
- Đất rừng sản xuất (RSX): 3,25 ha.
- Đất rừng phòng hộ (RPH): 1,50 ha.
- Đất chưa sử dụng (CSD): 0,25 ha.

18. Thu hồi 30,81 ha đất để thực hiện 17 công trình, dự án Di tích lịch sử - văn hóa; được lấy từ các loại đất:

- Đất lúa (LUA): 3,76 ha.
- Đất cây hàng năm khác (HNK): 6,86 ha.
- Đất cây lâu năm (CLN): 1,35 ha.
- Đất rừng sản xuất (RSX): 4,48 ha.
- Đất rừng phòng hộ (RPH): 11,83 ha;.
- Đất nuôi trồng thủy sản (NTS): 0,05 ha.
- Đất ở đô thị (ODT): 0,32 ha.
- Đất ở nông thôn (ONT): 1,20 ha.
- Đất khác (Bao gồm các loại đất còn lại trong nhóm đất PNN): 0,96 ha.

19. Thu hồi 1,20 ha đất để thực hiện 1 công trình, dự án Dịch vụ công cộng; được lấy từ các loại đất:

- Đất lúa (LUA): 1,20 ha.

20. Thu hồi 0,27 ha đất để thực hiện 4 công trình, dự án Bưu chính viễn thông; được lấy từ các loại đất:

- Đất lúa (LUA): 0,23 ha.
- Đất cây hàng năm khác (HNK): 0,03 ha.
- Đất khác (Bao gồm các loại đất còn lại trong nhóm đất PNN): 0,01 ha.

(Có phụ lục chi tiết danh mục các dự án kèm theo)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh căn cứ Nghị quyết này và các quy định hiện hành của pháp luật tổ chức triển khai thực hiện. Đối với các dự án phải thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất để phục vụ phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng phát sinh giữa 2 kỳ họp, giao Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định và báo cáo với Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp gần nhất.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa Khoá XVII, Kỳ họp thứ 2 thông qua ngày 08 tháng 12 năm 2016 và có hiệu lực kể từ ngày 19 tháng 12 năm 2016./.

Nơi nhận:
- Uỷ ban thường vụ Quốc hội; Chính phủ;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản Bộ Tư pháp;
- TTr: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh; UBND tỉnh;
- Đại biểu QH tỉnh, đại biểu HĐND tỉnh;
- Uỷ ban MTTQ tỉnh và các đoàn thể cấp tỉnh;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- VP: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH, HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Thường trực HĐND; UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Lưu: VT,KTNS

CHỦ TỊCH

Trịnh Văn Chiến